

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI PHD
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI PHD

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: PHD INVESTMENT AND TRADING JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: PHD INT.,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0107331389

3. Ngày thành lập: 22/02/2016

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 2, ngõ 840 Bạch Đằng, Phường Thanh Lương, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 04 3993 4988

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
2.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
3.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định; Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi; Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng; Kinh doanh vận chuyển khách du lịch bằng xe ô tô;	4932
4.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô;	4933
5.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
6.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
7.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)	5621
8.	Xây dựng nhà các loại	4100
9.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
10.	Phá dỡ	4311
11.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;	8299
12.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
13.	Quảng cáo	7310
14.	Sản xuất thảm, chăn đệm	1323

15.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao	2395
16.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
17.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
18.	Cơ sở lưu trú khác	5590
19.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
20.	Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác	8129
21.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
22.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
23.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
24.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
25.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
26.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
27.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
28.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
29.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
30.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác	4513
31.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
32.	Bán mô tô, xe máy	4541
33.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110
34.	Hoàn thiện sản phẩm dệt	1313
35.	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	1321
36.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
37.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
38.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
39.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
40.	Sản xuất đồng hồ	2652
41.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
42.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
43.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
44.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
45.	Sản xuất máy thông dụng khác	2819
46.	Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao	3230
47.	Sản xuất đồ chơi, trò chơi	3240
48.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
49.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh	4774
50.	Dịch vụ ăn uống khác	5629

51.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
52.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: - Quản lý bất động sản; - Tư vấn bất động sản;	6820
53.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
54.	Xây dựng công trình công ích	4220
55.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
56.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
57.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
58.	Bán buôn tổng hợp	4690
59.	Hoạt động nhiếp ảnh	7420
60.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
61.	Cho thuê xe có động cơ	7710
62.	Đại lý du lịch	7911
63.	Điều hành tua du lịch	7912
64.	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7920
65.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
66.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	1512
67.	Sản xuất giày dép	1520
68.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
69.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
70.	Sao chép bản ghi các loại	1820
71.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
72.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219
73.	Dịch vụ đóng gói	8292
74.	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự	9524
75.	Sửa chữa đồ dùng cá nhân và gia đình khác	9529
76.	Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	9620
77.	Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí	9000
78.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
79.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
80.	Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)	4512

81.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
82.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543
83.	Bán buôn đồ uống	4633
84.	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641
85.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác; - Bán buôn dụng cụ y tế; - Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; - Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; - Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm;	4649(Chính)
86.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
87.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
88.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
89.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
90.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
91.	Sản xuất sợi	1311
92.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
93.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
94.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
95.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
96.	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng	3250
97.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
98.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
99.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
100.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
101.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
102.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
103.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
104.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
105.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
106.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
107.	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa	1702
108.	In ấn	1811
109.	Dịch vụ liên quan đến in	1812

110.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
111.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
112.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	2393
113.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
114.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
115.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
116.	Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục)	1322
117.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731
118.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác	7730
119.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
120.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú	1420

6. Vốn điều lệ: 1.800.000.000 VNĐ
Mệnh giá cổ phần: 10.000 VNĐ/Cổ phần

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	VŨ HỒNG PHÚC	Số 128, ngõ 118, đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Bồ Đề, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	45.000	450.000.000	25,000	012964249	
			Tổng số	45.000	450.000.000	25,000		
2	VŨ QUỐC HUY	Số 36, phố Cao Bá Quát, Phường Điện Biên, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	45.000	450.000.000	25,000	001079001660	
			Tổng số	45.000	450.000.000	25,000		

3	NGUYỄN LÊ HÙNG	Số 7, phố Lãng Yên, tổ 33A, Phường Thanh Lương, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	45.000	450.000.000	25,000	001076004181	
			Tổng số	45.000	450.000.000	25,000		
4	TRẦN THỊ BÍCH NGỌC	Số 11, phố Phan Phù Tiên, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	45.000	450.000.000	25,000	001178000214	
			Tổng số	45.000	450.000.000	25,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: **VŨ QUỐC HUY**

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Chủ tịch hội đồng quản trị*

Sinh ngày: *29/01/1979*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *001079001660*

Ngày cấp: *29/05/2014* Nơi cấp: *Cục CS ĐKQL cư trú và DLQL về dân cư*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số 36, phố Cao Bá Quát, Phường Điện Biên, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số 36, phố Cao Bá Quát, Phường Điện Biên, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội